

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2026/HS-ST

Ngày: 03-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Ông Lê Ngọc Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh ngày 28/11/1991; tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: A H, phường H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: phố F, phường Q, tỉnh Thanh Hóa; CCCD 038091021610 nơi cấp: Cục C1 về TTXH; danh bản, chỉ bản số 866 ngày 23/11/2025 do Phòng PC11 công an tỉnh T lập; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công an, đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân và khai trừ ra khỏi Đảng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Mai Thị U; có vợ 1 là Hà Thị T (đã ly hôn), vợ 2 là Hoàng Kiều T1 và 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/9/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị H1 - Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

Địa chỉ: số nhà A Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

* Bị hại: chị Hoàng Kiều T1, sinh năm 1991; có mặt.

Nơi cư trú: phố F, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

* Người làm chứng:

- Ông Hoàng Đình L1, sinh năm 1966; có mặt.
- Anh Hoàng Anh T2, sinh năm 1997; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 21/9/2025, Trần Văn L đi chơi về. Do mâu thuẫn từ trước với vợ là chị Hoàng Kiều T1, sinh năm 1992; L vào bếp lấy 02 con dao gồm: 01 con dao dài 22cm, cán màu đen dài 10,5cm, phần lưỡi dao rộng 03cm, dài 11,5cm, loại một lưỡi sắc, đầu nhọn (dạng dao gọt hoa quả); 01 con dao dài 34cm, cán nhựa màu xanh dài 12cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, loại một lưỡi sắc, đầu bằng chỗ rộng nhất của lưỡi dao 5,4cm (dạng dao thái), rồi đi thẳng lên phòng ngủ trên tầng 2. Tại đây, L xô chị T1 ngã xuống giường và dùng con dao cán màu đen đâm vào ngực chị T1 một nhát, chị T1 nằm sấp lại thì L tiếp tục đâm vào phía sau lưng chị T1 hai nhát. Thấy chị T1 bất động trên giường, L dùng con dao cán màu đen tự đâm nhiều nhát vào ngực mình, sau đó lấy con dao cán màu xanh cắt cổ tay mình để tự tử, L và chị T1 cùng nằm trên giường. Chị T1 tỉnh lại, mở điện thoại gọi cho bố là ông Hoàng Thanh L2, trú tại phố G, phường Q, tỉnh Thanh Hóa kêu cứu. Lúc này, L cũng tỉnh lại, thấy chị T1 bỏ chạy, L cầm con dao cán màu xanh lên đuổi theo chị T1, chị T1 bị trượt ngã ở cửa phòng, L chém về phía chị T1, chị T1 đưa tay trái lên đỡ nên bị chém gần đứt lìa 03 ngón tay. Con dao trên tay L bị văng xuống sàn nhà, L quay vào nằm vật xuống giường. Chị T1 bỏ chạy xuống tầng 1 kêu cứu, sau đó được hàng xóm phát hiện, đưa đi cấp cứu. Tại thời điểm bị tấn công, chị T1 đang mang thai 17 tuần 05 ngày.

Hậu quả: - Chị Hoàng Kiều T1 bị 07 vết thương, gồm: 01 (một) vết thương bàn tay trái kích thước (5x3)cm, lóc da, đứt gần lìa ngón 3, 4, 5, lộ xương đốt 1 ngón 5, chỏm xương 3, 4 gãy; ngón tay nhọt nhọt mất vận động; 02 (hai) vết thương vùng bả vai trái của lưng có kích thước lần lượt là (5x1)cm và (4x1)cm; 01 (một) vết thương tại vùng gối trái, kích thước (2x0,5)cm; 01 (một) vết thương vùng cẳng chân trái kích thước (3x0,5)cm; 01 (một) vết thương vùng ngực trái dưới xương đòn 02cm, kích thước (03x02)cm; 01 (một) vết thương 1/3 sau, dưới cẳng tay trái, kích thước (02x0,5)cm. Do chấn thương quá nặng dẫn đến chị T1 bị sảy thai sau đó.

- Trần Văn L bị 2 vết thương gồm: 01 vết thương ở cổ tay trái, kích thước (06x01)cm, lộ gân cơ, chảy máu nhiều, bờ mép sắc gọn; 01 vết thương ở thành ngực trái, kích thước (07x02)cm, bờ mép sắc gọn, phì phò máu, khí qua vết thương.

Kết quả trưng cầu giám định:

* Kết quả giám định thương tích và vật gây thương tích:

Tại bản Kết luận giám định số 600/KLTTCT-PYTH ngày 09/10/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh T kết luận:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Kiều T1 tại thời điểm giám định là 55% (năm mươi lăm phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích:

Vết thương vùng nách trái; Vết thương bàn tay trái đứt gân lìa ngón 3, 4, 5; Hai vết thương vùng bả vai trái của lưng; Vết thương gối trái; Vết thương cẳng chân trái; Vết thương ngực trái dưới xương đòn 02cm; Vết thương 1/3 sau dưới cẳng tay trái: Do tác động của ngoại lực, được tạo nên bởi vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn.

Chấn thương ngực kín như ghi nhận trong hồ sơ, tài liệu giám định: Do tác động của ngoại lực, được tạo nên bởi vật tày, hoặc vật tày có cạnh.

* Tại bản Kết luận giám định số 3948/KL-KTHS ngày 13/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Con dao dài 22cm gửi giám định: Phần lưỡi dao có máu Hoàng Kiều Trang và Trần Văn L; Phần cán dao có máu Hoàng Kiều Trang.

- Con dao dài 34cm gửi giám định: Phần lưỡi dao có máu Trần Văn L; Phần cán dao có máu Hoàng Kiều Trang và Trần Văn L.

- Chiếc kéo gửi giám định: Phần lưỡi kéo có máu Hoàng Kiều Trang; Phần cán kéo có máu người nhưng do lượng máu ít nên không xác định được kiểu gen.

- Mẫu máu ghi thu tại vị trí số 1 và số 4 tại hiện trường đều là máu của Trần Văn L.

- Mẫu máu ghi thu tại vị trí số 2 và số 5 tại hiện trường đều là máu của Hoàng Kiều T1.

- Lưu kiểu gen của Hoàng Kiều T1 và Trần Văn L.

* Kết quả giám định vũ khí:

Tại bản Kết luận giám định số 3916/KL-KTHS ngày 10/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- 01 (một) vật có ký hiệu “JINLI-RRAND STAINLESS STEEL” (con dao dài 22cm) gửi giám định không thuộc các danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2025 của Bộ C2.

- 01 (một) vật có ký hiệu “THÉP” (con dao dài 34cm) gửi giám định là dao sắc thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2025 của Bộ C2.

* Kết quả giám định video:

Tại bản Kết luận giám định số 4206/KL-KTHS ngày 31/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video lưu trong các mẫu vật gửi giám định; Trích xuất 22 ảnh từ các tệp video gửi giám định ghi nhận lại một phần nội dung vụ án.

* Kết quả giám định khác: Mẫu máu của L không có nồng độ cồn và chất ma túy (Bản Kết luận giám định số 3786/KL-KTHS ngày 01/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T và Bản kết luận giám định số 7629/KL-KTHS ngày 10/10/2025 của V Bộ C2)

Kiểm tra, xác định hiện trường

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại cửa hàng K2 ở phố F, phường Q, tỉnh Thanh Hóa. Phía Đông Nam tiếp giáp với đường D, phường Q, phía Tây Nam tiếp giáp với khu đất trống. Phía Đông Bắc tiếp giáp với nhà ông Lê Bá K. Phía T tiếp giáp nhà ông Nguyễn Viết Lê .

Nhà được xây dựng kiên cố 02 tầng, có cửa ra vào mở hướng Đông Nam, Phòng ngủ phía Đông Nam tầng 2 có kích thước bên trong dài 215cm, rộng 186cm, có cửa ra vào ở tường phía T loại cửa nhôm kính mở vào phía trong.

Tiến hành đánh số, ghi nhận các dấu vết trên hiện trường, thể hiện như sau:

Vị trí số (1): Tại giường phòng ngủ phía Đông Nam tầng 2, cách mép Đông Nam của giường 50cm phát hiện đám chất màu nâu đỏ (dạng máu) tại mặt trên của giường, thấm ướt trên ga giường, chăn, gối, trong diện 190cm x 140cm.

Vị trí số 2: Cách mép Đông Nam của giường 12cm, cách đuôi giường 46cm phát hiện 01 dao dài 23cm, cán nhựa màu đen, lưỡi kim loại dài 11cm, rộng 3cm đang trên áo sơ mi màu trắng để trên mặt giường, lưỡi dao bám dính chất màu nâu đỏ (dạng máu). Xung quanh vị trí dao tại áo sơ mi trắng và nền nhà sát mép Đông Nam của G, trên kệ để đồ và bàn trang điểm phát hiện các chất màu nâu đỏ (dạng máu giọt).

Vị trí số 3: Cách mép Đông Nam của giường về phía Đông Nam 235cm, cách tường phía Đông Bắc 150cm, trên nền nhà phát hiện 01 dao dài 36cm, cán nhựa màu xanh, lưỡi kim loại dài 24cm, rộng 5,5cm, trên lưỡi dao bám dính chất màu nâu đỏ (dạng máu).

Vị trí số 4: Tại nền nhà tương ứng vị trí đuôi giường đến khu vực cửa ra vào phòng ngủ (cửa ở tường phía T phòng) phát hiện đám chất màu nâu đỏ (dạng máu), trong diện 450cm x 180cm, khu vực cửa ra vào đám chất màu nâu đỏ có dạng máu chùi quệt và giọt, khu vực nền nhà tương ứng đuôi giường đám chất màu nâu đỏ có dạng giọt.

Vị trí số 5: Từ khu vực phía trên cầu thang bộ tầng 2 dọc theo toàn bộ cầu thang bộ xuống phòng khách, quầy bán hàng phát hiện đám chất màu nâu đỏ (dạng máu), cuối vết tại quầy bán hàng đám chất màu nâu đỏ (dạng chùi quệt).

Vị trí số 6: Trên mặt bàn quầy bán hàng (tương ứng cuối vị trí số 5) phát hiện 01 chiếc kéo dài 23 cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen, lưỡi kéo bám dính chất màu nâu đỏ (dạng máu).

Phương tiện, dấu vết, tài liệu và mẫu vật thu được:

- Chất màu nâu đỏ trên giường phòng ngủ phía Đông Nam tầng 2 (vị trí số 1).
- Chất màu nâu đỏ xung quanh vị trí dao tại áo sơ mi trắng và nền nhà sát mép Đông Nam của giường, trên kệ để đồ và bàn trang điểm (vị trí số 2).
- Dao (vị trí số 2).
- Dao (vị trí số 3).
- Chất màu nâu đỏ tại nền nhà tương ứng vị trí đuôi giường đến khu vực cửa ra vào phòng ngủ (vị trí số 4).
- Chất màu nâu đỏ thu ở khu vực phía trên cầu thang bộ tầng 2 dọc theo toàn bộ cầu thang bộ xuống phòng khách, quầy bán hàng (vị trí số 5).
- Chiếc kéo (vị trí số 6).

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) con dao dài 22cm, cán màu đen, phần lưỡi dao rộng 03cm, dài 11cm, đầu nhọn.
- 01 (một) con dao dài 34cm, cán nhựa màu xanh, phần lưỡi dao dài 22cm, bản rộng 5,4cm.
- 01 (một) kéo dài 23cm, phần cán nhựa màu đỏ đen, phần lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng, đầu nhọn.
- 04 thẻ nhớ lưu giữ các đoạn video ghi nhận lại nội dung, diễn biến vụ án. Sau khi giám định xong các thẻ nhớ này được niêm phong và cho vào hồ sơ vụ án.

Quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan điều tra còn thu giữ 03 (ba) điện thoại Iphone, sau khi tiến hành kiểm tra điện thoại đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Trần Văn L đã thỏa thuận bồi thường cho chị Hoàng Kiều T1 tổng số tiền là 375.000.000 đồng. Chị T1 đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn L thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can phù hợp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được.

* Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS-P2 ngày 06/02/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trần Văn L về tội “Giết người” quy định

tại điểm c, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự;

- Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm Trần Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

- Bị hại chị Hoàng Kiều T1 khai sự việc như nội dung Cáo Trạng và lời khai của bị cáo L. Nguyên nhân dẫn đến sự việc trên là do vợ chồng kết hôn mới được thời gian ngắn, sự thấu hiểu chưa nhiều, có những mâu thuẫn nhỏ nhặt hằng ngày không được giải quyết dứt điểm. Sau khi sự việc xảy ra bị hại cũng nhận thấy mình có một phần trách nhiệm, bị hại chưa thực sự nhẫn nại giải quyết những mâu thuẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, giữa gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại là 375.000.000 đồng, bị hại đã nhận đủ tiền, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm c, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15 Điều 55; Điều 57; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”; từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn L phải chấp hành hình phạt tù chung của hai tội từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong về dân sự, bị hại không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T 01 con dao dài 34cm. Tịch thu tiêu hủy con dao dài 22cm và 01 cái kéo thu giữ trong quá trình điều tra.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

* Người bào chữa cho bị cáo: đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội bị cáo Trần Văn L về tội “Giết người” theo điểm c, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi nhỏ từ phía bị hại; dẫn đến bị cáo không kiềm chế được bản thân, đã gây thương tích cho bị hại, sau đó tự gây thương tích cho chính bản thân mình, với mục đích hai vợ chồng cùng chết. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Trần Văn L thống nhất với nội dung bào chữa nêu trên của người bào chữa, không bào chữa bổ sung gì khác. Lời nói sau cùng bị cáo Trần Văn L: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, chỉ một phút nông nổi, không kiềm chế được bản thân mà bị cáo đã gây ra hậu quả vô cùng lớn cho bị hại (là vợ của bị cáo) và cho chính bản thân bị cáo. Bị cáo xin lỗi bị hại, gia đình hai bên nội ngoại; mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: - Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng là: anh Hoàng Anh T2 vắng mặt; xét thấy, sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với các kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra; do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Vào khoảng 06 giờ ngày 21/9/2025, tại gia đình bị cáo ở phố F phường Q, tỉnh Thanh Hóa; do mâu thuẫn vợ chồng, Trần Văn L đã chuẩn bị 02 con dao (01 con dao dài 22cm, cán màu đen, phần lưỡi dao rộng 03cm, dài 11cm, đầu nhọn và 01 dao dài 34cm, cán nhựa màu xanh, phần lưỡi dao dài 22cm, bản rộng 5,4cm) từ bếp đi lên phòng ngủ tầng 2 tìm vợ là chị Hoàng Kiều T1. Tại đây, L xô ngã chị T1 xuống giường, dùng dao dài 22cm đâm một nhát vào ngực và hai nhát vào lưng chị T1. Khi thấy chị T1 bất động, L dùng dao tự đâm vào ngực và cắt cổ tay mình để tự tử. Khi thấy chị T1 tỉnh dậy kêu cứu và bỏ chạy, L tiếp tục cầm dao (loại dao thái dài 34cm) đuổi theo chém chị T1, chị T1 đưa tay trái lên đỡ và bị chém đứt gần lìa 03 ngón tay; lúc này con dao trên tay L bị văng xuống sàn nhà. Hậu quả chị T1 bị thương tích 55%, do chấn thương quá nặng dẫn đến sảy thai sau đó.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày giữa hai vợ chồng, Trần Văn L đã không giữ được bình tĩnh, không tìm được cách thức giải quyết mâu thuẫn, cảm thấy bế tắc trong hôn nhân, mất kiểm soát hành vi, nên đã sử dụng dao đâm, chém vào vùng trọng yếu (ngực), lưng và các vùng khác trên cơ thể của chị T1, sau đó bị cáo dùng dao để tự sát. Tại thời điểm bị tấn công, chị T1 đang có thai 17 tuần 05 ngày, do thương tích nặng, dẫn đến sảy thai. Hành vi của bị cáo cố ý tước đoạt tính mạng của chị T1, chị T1 không chết là do được cấp cứu kịp thời.

Tại bản Kết luận giám định số 3916/KL-KTHS ngày 10/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: 01 (một) vật có ký hiệu “THÉP” (con dao dài 34cm) gửi giám định là dao sắc thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2025 của Bộ C2. Bị cáo L đã sử dụng dao có tính sát thương cao xâm phạm ính mạng của bị hại.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của Trần Văn L đã phạm tội “Giết người” với tình tiết định khung tăng nặng “giết phụ nữ mà biết là có thai” và “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm c, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 07 năm tù.

[2.2] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội là đặc biệt lớn; bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội một cách quyết liệt do lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây dư luận xấu và làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân. Hậu quả hành vi phạm tội không những gây thương tích nặng cho bị hại mà còn dẫn đến hậu quả bị hại sảy thai, đây không chỉ là nỗi đau của bị hại mà cũng chính là nỗi đau, sự mất mát của bị cáo.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo:

- Hành vi của bị cáo Trần Văn L đã sử dụng dao dài 22cm, phần lưỡi dao rộng 03cm, dài 11cm, đầu nhọn đâm nhiều nhất vào ngực, lưng là những vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại. Khi phát hiện bị hại bỏ chạy kêu cứu, L tiếp tục sử dụng con dao dài 34cm, phần lưỡi dao dài 22cm, bản rộng 5,4cm đuổi theo chém chị T1 đứt gần lìa 03 ngón tay bàn tay trái; lúc này con dao trên tay L bị văng xuống sàn nhà thì L mới dừng lại. Hành vi của bị cáo thể hiện mức độ nguy hiểm cao, quyết liệt. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội đến cùng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, ăn năn hối hận; tác động với gia đình bồi thường toàn bộ dân sự cho bị hại. Trong quá trình công tác, bị cáo đã đạt nhiều thành tích: năm 2015, bị cáo được Giám đốc Công an tỉnh T tặng giấy

khen về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; năm 2021, bị cáo được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba. Từ năm 2015 đến năm 2024, bị cáo liên tục hiến máu nhân đạo tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông ngoại và bà ngoại bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng giấy khen, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, huy hiệu 60 năm tuổi đảng.

Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[2.4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật; bị cáo phạm tội giết người trong trường hợp chưa đạt, nên quyết định mức hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Giữa gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự; bị hại không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Xử lý vật chứng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: điểm c, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

* Tuyên bố: bị cáo Trần Văn L phạm tội “Giết người” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

* Xử phạt: bị cáo Trần Văn L 08 (tám) năm tù về tội “Giết người”; 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/9/2025.

* Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) Túi niêm phong mã số PS1A 034257, có chữ ký chữ viết của Trần Thị Thúy H2, Lê Văn T3, Lê Thị Thùy L3 và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh T (bên trong là: 01 dao dài 22 cm);

- 01 (một) Túi niêm phong mã số PS2A 071692, có chữ ký chữ viết của Trần Thị Thúy H2, Lê Văn T3 và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh T (bên trong là: 01 kéo dài 23cm).

+ Tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T 01 dao dài 34 cm, đã được niêm phong trong 01 túi mã số PS1A 034256, có chữ ký chữ viết của Trần Thị Thúy H2, Lê Văn T3, Lê Thị Thùy L3 và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh T.

Tất cả các vật chứng trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã bàn giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 85/2025/TV-THADS ngày 06/3/2026.

* Về án phí: căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- THAHS, THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng ;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 03 tháng 4 năm 2026

Tại phòng nghị án - Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị H6

Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị H3

Bà Nguyễn Thị Mai H4

Ông Lê Ngọc H5

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Trần Văn L.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

* Căn cứ: điểm c, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 5/5 thành viên.

* Tuyên bố: bị cáo Trần Văn L phạm tội “Giết người” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 5/5 thành viên.

* Xử phạt: bị cáo Trần Văn L 08 (tám) năm tù về tội “Giết người”; 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/9/2025.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 5/5 thành viên.

* Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) Túi niêm phong mã số PS1A 034257, có chữ ký chữ viết của Trần Thị Thúy H2, Lê Văn T3, Lê Thị Thùy L3 và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh T (bên trong là: 01 dao dài 22 cm);

- 01 (một) Túi niêm phong mã số PS2A 071692, có chữ ký chữ viết của Trần Thị Thúy H2, Lê Văn T3 và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh T (bên trong là: 01 kéo dài 23cm).

+ Tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T 01 dao dài 34 cm, đã được niêm phong trong 01 túi mã số PS1A 034256, có chữ ký chữ viết của Trần Thị Thúy H2, Lê Văn T3, Lê Thị Thùy L3 và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh T.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 5/5 thành viên.

* Về án phí: căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 5/5 thành viên.

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 03 tháng 4 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Hương Nguyễn Thị Mai Hoa Lê Ngọc H5

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Lâm Lê Thị H6

